

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2021

V/v “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Trương; Ông Phạm Văn Hợp;
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Mai Hùng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm: 1983; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* Anh Võ Hoàng N, sinh năm: 1982; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2021, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

Chị và anh N chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BX, thị xã GC. Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số I/2004 ngày 14/6/2004. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì anh N ngoại tình bỏ chị từ năm 2018 đến nay, tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 04 con chung tên: Võ Hoàng V, sinh ngày 28/10/2002; Võ Hoàng L, sinh ngày 20/3/2009; Võ Hoàng T, sinh ngày 04/8/2011 và Võ Hoàng T, sinh ngày 16/9/ 2016, hiện các con đang sống với chung với anh N cùng gia đình bên nội các cháu. Khi ly hôn chị D giao các con cho anh N tiếp tục nuôi, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con bên ngoài.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

* Bị đơn anh Võ Hoàng N mặc dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án Bản tự khai cũng như văn bản ghi ý kiến của mình. Đồng thời Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Võ Hoàng N nhưng do anh N vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh N và không hòa giải vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ D là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị D. Về con chung: Các cháu L, T và T tiếp tục sống chung với anh N cùng gia đình bên nội, việc cấp dưỡng nuôi con tự các bên thỏa thuận. Về tài sản và nợ chung: Không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc quan hệ “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh Võ Hoàng N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị D và anh N tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang vào năm 2004 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2015. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị D khai nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N ngoại tình bỏ chị từ năm 2018 đến nay, tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn.

Phía anh N đã được triệu tập họp lệ để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn mâu thuẫn nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh N không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa chị D và anh N đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên: Võ Hoàng V, sinh ngày 28/10/2002; Võ Hoàng L, sinh ngày 20/3/2009; Võ Hoàng T, sinh ngày 04/8/2011 và Võ Hoàng T, sinh ngày 16/9/2016, hiện các con đang sống với chung với anh N. Khi

ly hôn chị D giao các cháu L, T và T cho anh N tiếp tục nuôi, chị D không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu V đã trưởng thành nên không tranh chấp.

Xét về điều kiện chăm sóc các con chung từ nhỏ đã được sống chung với cha cùng gia đình bên nội. Để ổn định trong quá trình sinh hoạt, tại biên bản xác minh ngày 25/03/2021 chính quyền địa phương xác định anh N có đủ điều kiện về kinh tế và chăm sóc con tốt. Hơn nữa các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao anh N được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này có yêu cầu Tòa án giải quyết thành vụ án khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Võ Hoàng N.

- Về con chung: Giao cho anh Võ Hoàng N được trực tiếp nuôi các con chung tên Võ Hoàng L, sinh ngày 20/3/2009; Võ Hoàng T, sinh ngày 04/8/2011 và Võ Hoàng T, sinh ngày 16/9/ 2016; anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019315 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;

- UBND xã B X, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

LÊ THỊ HẰNG